

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần: Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ: 3

Nhóm/Lớp: (28 -)/DA23LQLC

CBGD: Nguyễn Văn Phương (00341)

Hình thức đánh giá: 9N

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
20/3/2024

Phòng thi: Đ71.11.2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	119223001	Nguyễn Việt Trường An	17/01/2005	Nam	8,8	3,0	5,9	001			
2	119223002	Trần Thái Bình	18/06/2005	Nam	8,8	3,8	6,1	002			
3	119223003	Nguyễn Vũ Bảo	23/02/2005	Nam	8,9	5,3	7,1	003			
4	119223006	Mai Huỳnh Kháng	27/05/2005	Nam	9,2	6,8	8,0	004			
5	119223010	Lê Gia Phú Lợi	12/01/2005	Nam	8,5	7,3	7,9	005			
6	119223011	Nguyễn Thanh Long	16/11/2005	Nam	8,4	5,0	6,7	006			
7	119223013	Dương Hoàng Mỹ	25/05/2005	Nữ	9,0	5,5	7,2	007			
8	119223014	Ngô Nguyễn Xuân Mai	15/09/2005	Nữ	9,1	7,5	8,3	008			
9	119223015	Phạm Thị Tuyết Nga	21/04/2005	Nữ	8,5	5,3	6,9	009			
10	119223016	Lưu Bích Ngân	25/04/2005	Nữ	8,8	5,8	7,3	010			
11	119223017	Trần Thị Bảo Ngọc	01/12/2005	Nữ	9,0	4,8	6,9	011			
12	119223018	Võ Thị Ngọc Như	09/09/2005	Nữ	9,0	6,8	7,9	012			
13	119223019	Huỳnh Yến Phụng	28/09/2005	Nữ	9,1	5,0	7,1	013			
14	119223020	Nguyễn Hồng Quân	29/08/2005	Nam	8,9	3,5	6,2	014			
15	119223021	Nguyễn Thị Như Quỳnh	26/10/2005	Nữ	8,9	4,8	6,9	015			
16	119223024	Huỳnh Hoàng Thắng	20/05/2005	Nam	9,3	6,5	7,9	016			
17	119223025	Nguyễn Phú Thịnh	18/09/2005	Nam	8,9	4,5	6,7	017			
18	119223027	Huỳnh Thị Mộng Tiên	15/02/2005	Nữ	9,0	5,3	7,2	018			
19	119223028	Nguyễn Nhật Tiến	11/04/2005	Nam	8,4	4,0	6,2	019			
20	119223029	Trần Tiến	19/02/2005	Nam	8,8						

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 19

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 19

Tổng số tờ:

Cán bộ coi thi 1: Paul Dương Kim Ngân

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 04 tháng 4 năm 2024

Cán bộ ghi điểm:

Cán bộ kiểm tra:
Nguyễn Thị Lanh

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

20/3

071.113

Học phần: Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ: 3

Nhóm/Lớp: (28 -)/ĐA23LQLC

CBGD: Nguyễn Văn Phương (00341)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
20/3/2024

Phòng thi: DH. 113

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	119223032	Trần Thị Thùy Trang	11/08/2005	Nữ	8,5	4,0	6,3	001	<u>Trần</u>		
2	119223033	Huỳnh Huyền Trân	27/07/2005	Nữ	9,1	5,3	7,2	002	<u>Huỳnh</u>		
3	119223035	Nguyễn Thị Mỹ Tuyền	05/01/2005	Nữ	8,8	5,8	7,3	003	<u>Nguyễn</u>		
4	119223036	Phạm Thị Thanh Tuyền	03/03/2005	Nữ	9,2	4,5	6,9	004	<u>Phạm</u>		
5	119223037	Nhan Hoàng Uyên	22/07/2005	Nữ	9,2	4,8	7,0	005	<u>Nhan</u>		
6	119223038	Trần Thị Bé Uyên	25/12/2005	Nữ	9,0	5,8	7,4	006	<u>Trần</u>		
7	119223039	Đặng Nguyễn Thái Vy	07/06/2005	Nữ	8,8	4,0	6,4	007	<u>Đặng</u>		
8	119223040	Phạm Thị Thúy Vy	08/11/2004	Nữ	8,9	4,5	6,7	008	<u>Phạm</u>		
9	119223041	Bùi Thị Như Ý	09/02/2005	Nữ	8,8	7,3	8,1	009	<u>Bùi</u>		
10	119223043	Trịnh Thị Tuyết Anh	08/08/2004	Nữ	9,0	5,5	7,3	010	<u>Trịnh</u>		
11	119223044	Tài Vĩnh Thiên Hương	24/01/2004	Nữ	8,8	4,0	6,4	011	<u>Tài</u>		
12	119223045	Nguyễn Anh Kiệt	27/11/2005	Nam	8,6	5,0	6,8	012	<u>Nguyễn</u>		
13	119223046	Nguyễn Ngọc Trà My	22/07/2004	Nữ	9,0	4,0	6,5	013	<u>Nguyễn</u>		
14	119223047	Trương Huỳnh Thiên Ngân	20/12/2003	Nữ	9,2	2,8	6,0	014	<u>Trương</u>		
15	119223048	Nguyễn Quốc Phiếu	24/11/2005	Nam	9,1	3,5	6,3	015	<u>Nguyễn</u>		
16	119223049	Khuru Minh Tân	28/03/2003	Nam	8,9	7,3	8,1	016	<u>Khuru</u>		
17	119223050	Nguyễn Minh Trang	03/01/2005	Nữ	9,2	5,3	7,3	017	<u>Nguyễn</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 17

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 17

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 17

Tổng số tờ:

Cán bộ coi thi 1: Trần Thị Kim Ngọc

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50 %, Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 04 tháng 4 năm 2024

Cán bộ ghi điểm: Son Son La

Cán bộ kiểm tra: hau

Nguyễn Thị Linh

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần: Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ: 3

Nhóm/Lớp: (28 -)/DA23LA

CBGD: Nguyễn Văn Phương (00341)

Hình thức đánh giá: Thực nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

20 / 03 / 2024

Phòng thi: D71-111

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh chú
1	114123036	Nguyễn Thanh Hiền	22/12/2005	Nam	4,2	4,8	4,5		001	hiên	
2	114123037	Kim Thị Diệu Hiền	18/08/2005	Nữ	8,4	3,5	6,0		002	hiên	
3	114123038	Nguyễn Thu Hiền	03/02/2005	Nữ	8,5	3,8	6,2		003	thu	
4	114123039	Thạch Thị Xuân Hiền	18/04/2005	Nữ	8,9	5,0	7,0		004	hiên	
5	114123041	Thạch Thị Ngọc Hiếu	30/12/2005	Nữ	8,8	3,8	6,3		005	hi	
6	114123042	Thạch Thị Thanh Hằng	10/10/2005	Nữ	8,7	3,8	6,3		006	th	
7	114123044	Huỳnh Thái Hòa	13/09/2005	Nam	8,4	4,8	6,6		007	th	
8	114123045	Nguyễn Thị Diễm Huỳnh	02/06/2005	Nữ	8,7	3,8	6,3		008	th	
9	114123046	Nguyễn Quốc Huy	01/05/2005	Nam							Vắng
10	114123047	Phạm Thanh Huy	24/05/2005	Nam	9,2	3,3	6,3		010	huy	
11	114123049	Thạch Thị Thu Hương	15/09/2005	Nữ	8,9	4,8	6,9		011	huy	
12	114123050	Cao Văn Kha	23/04/2003	Nam	8,5	4,5	6,5		012	kha	
13	114123051	Phạm Khang	01/04/2005	Nam	8,6	3,0	5,8		013	thuy	
14	114123054	Lê Võ Anh Khoa	14/04/2005	Nam	8,3	4,8	6,6		017	thuy	
15	114123078	Cao Trọng Nghĩa	16/01/2005	Nam	8,4	4,8	6,6		014	thuy	
16	114123094	Nguyễn Ngọc Quỳnh Như	28/09/2005	Nữ	8,4	3,8	6,1		015	thuy	
17	114123126	Phạm Minh Thư	07/02/2005	Nữ	8,2	5,0	6,6		016	thuy	
18	114123154	Bùi Thị Mỹ Duyên	05/09/2005	Nữ	8,5	5,3	6,9		018	thuy	
19	114123156	Dương Thị Anh Thư	24/10/2005	Nữ	8,5	3,5	6,0		019	thuy	
20	114123157	Đinh Ngọc Tường Quyên	01/06/2005	Nữ	8,5	4,0	6,3		020	thuy	

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20...

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 19....

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 19....

Tổng số tờ: 19....

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 04 tháng 4 năm 2024

Cán bộ coi thi 1: La Văn Cao Dương Phương Lan

Cán bộ ghi điểm: Sơn Sơn La

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần: Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ: 3

Nhóm/Lớp: (28 -)/DA23LA

CBGD: Nguyễn Văn Phương (00341)

Hình thức đánh giá: trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
20 / 3 / 2024

Phòng thi: ĐTA 110

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	114123001	Kim Thị Thanh	Ái	16/10/2005	Nữ	8,3	4,8	6,6	001		
2	114123004	Phân Hồng Mỹ	Anh	17/05/2005	Nữ	8,6	4,9	6,6	002		
3	114123005	Trần Lan	Anh	06/12/2005	Nữ	9,0	6,8	7,9	003		
4	114123006	Võ Ngọc Khánh	Bằng	14/10/2005	Nữ	8,7	2,8	5,8	004		
5	114123007	Huỳnh Kim	Bao	28/04/2005	Nam	8,7	4,5	6,6	005		
6	114123008	Ngô Gia	Bao	24/10/2005	Nam	8,3	3,8	6,1	006		
7	114123009	Trần Gia	Bao	28/08/2005	Nam	8,3	5,3	6,8	007		
8	114123010	Trần Nguyễn Gia	Bao	28/11/2005	Nam		4,5	0,8	008		
9	114123011	Nguyễn Thị Bảo	Châu	09/02/2005	Nữ	8,9	4,3	6,6	009		
10	114123015	Trần Xuân	Cánh	22/09/2004	Nam	8,7	3,8	6,3	010		
11	114123017	Nguyễn Tấn	Dũng	20/02/2004	Nam	8,5	3,0	5,8	011		
12	114123018	Huỳnh Nhật	Duy	06/06/2005	Nam	8,7	4,3	6,5	012		
13	114123019	Nguyễn Kiều Nhật	Duy	01/09/2005	Nam	8,5	4,5	6,5	013		
14	114123020	Đặng Ngọc	Duyên	09/01/2005	Nữ						
15	114123023	Lý Hoàng	Dy	06/02/2005	Nam	8,4	5,5	7,0	015		
16	114123028	Nguyễn Tấn	Đạt	24/05/2005	Nam	8,4	4,8	6,6	016		
17	114123031	Phan Thị Cẩm	Giang	04/11/2005	Nữ	8,5	5,0	6,8	017		
18	114123032	Kim Thị Bé	Hai	05/07/2005	Nữ	9,1	3,5	6,3	018		
19	114123033	Lâm Chí	Hào	04/05/2005	Nam	8,8	6,0	7,4	019		
20	114123034	Nguyễn Thị Mỹ	Hân	18/09/2005	Nữ	8,7	3,5	6,1	020		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 40

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 19

Tổng số tờ: 19

Điểm QT 50 %, Điểm KT 50 %

Trà Vinh, Ngày 04 tháng 4 năm 2024

Cán bộ coi thi 1: Trần Thị Anh Duyên

Cán bộ ghi điểm: Trần Văn Kha

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần: Triết học Mac - Lênin (180050)

Số tín chỉ: 3

Nhóm/Lớp: (28 -)/DA23LA

CBGD: Nguyễn Văn Phương (00341)

Hình thức đánh giá: Tiêu nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
20 / 3 / 2024

Phòng thi: 071.114

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	D.TBQ T	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Ghi chú
1	114123158	Đoàn Thị Kim Ngân	09/04/2005	Nữ	/	/	/	/	/		
2	114123159	Kim Nhật Minh Hằng	21/02/2005	Nữ	9,0	4,8	6,9	008	HE		
3	114123160	Lâm Mỹ Tiên	12/09/2004	Nữ	8,9	3,5	6,2	009	hen		
4	114123161	Lâm Thị Thuý Trang	22/08/2005	Nữ	9,2	3,8	6,5	010	quy		
5	114123162	Lê Minh Kha	10/10/2005	Nam	8,3	6,8	7,6	011	ryk		
6	114123171	Nguyễn Trung Trí	13/03/2005	Nam	8,3	2,3	5,3	014	ga		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 06

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 05

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 05

Tổng số tờ: 05

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Thanh Thanh

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50 %, Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 04 tháng 4 năm 2024

Cán bộ ghi điểm: Trần Văn Hải

Cán bộ kiểm tra: lack

Nguyễn Thị Linh

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

20/3
D71-114 (1930)

Học phần: Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ: 3

Nhóm/Lớp: (28 -)/DA23LB

CBGD: Nguyễn Văn Phương (00341)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc: 20/3/2024

Phòng thi: D71.114

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQ T	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Ghi chú
1	114123088	Lâm Ngọc Yến Nhi	20/09/2005	Nữ	8,4	5,5	7,0	001	<u>Yến</u>		
2	114123091	Đoàn Minh Nhật	19/02/2005	Nam	8,8	4,3	6,6	002	<u>Nhật</u>		
3	114123093	Nguyễn Lê Thảo Như	26/03/2005	Nữ	9,2	3,5	6,4	003	<u>Như</u>		
4	114123095	Nguyễn Thị Quỳnh Như	29/12/2005	Nữ	9,0	5,0	7,0	004	<u>Quỳnh</u>		
5	114123096	Thạch Huỳnh Như	10/10/2005	Nữ	9,1	4,5	6,8	005	<u>Như</u>		
6	114123097	Lê Minh Pháp	28/09/2005	Nam	8,5	5,0	6,8	006	<u>Pháp</u>		
7	114123098	Trần Nghiệp Phong	22/02/2005	Nam	8,8	6,0	7,4	007	<u>Phong</u>		
8	114123099	Kiên Đạt Phú	30/01/2005	Nam	8,9	5,5	7,2	008	<u>Phú</u>		
9	114123100	Lê Thị Diễm Phương	19/09/2005	Nữ	8,9	5,0	7,0	009	<u>Phương</u>		
10	114123101	Trần Gia Quế	17/09/2005	Nữ	8,7	4,5	6,6	010	<u>Quế</u>		
11	114123102	Nguyễn Nhật Quỳnh	21/03/2005	Nữ	8,7	5,0	6,9	011	<u>Quỳnh</u>		
12	114123104	Huỳnh Thiên Tứ	21/05/2005	Nam	9,4	6,3	7,9	012	<u>Thiên</u>		
13	114123114	Trần Phú Thịnh	25/01/2005	Nam	8,9	4,0	6,5	013	<u>Thịnh</u>		
14	114123118	Trần Thị Mộng Thùy	03/02/2001	Nữ	9,0	5,5	7,3	014	<u>Thùy</u>		
15	114123163	Mai Trung Tín	14/03/2003	Nam							
16	114123164	Nguyễn Phol La	11/01/2005	Nữ	8,8	3,8	6,3	021	<u>Phol</u>		
17	114123165	Nguyễn Đặng Mỹ Ngọc	13/11/2005	Nữ	8,8	5,0	6,9	016	<u>Ngọc</u>		
18	114123166	Nguyễn Hồng Ân	25/10/2005	Nữ	8,8	3,8	6,3	017	<u>Ân</u>		
19	114123167	Nguyễn Hữu Trọng	11/09/2005	Nam	8,7	6,0	7,4	018	<u>Trọng</u>		
20	114123168	Nguyễn Thị Ngọc Khang	22/11/2005	Nữ	8,5	6,8	7,7	019	<u>Khang</u>		

Tổng số sv. hs trên danh sách: 20

Tổng số sv. hs dự đánh giá: 19

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 19

Tổng số tờ:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 04 tháng 4 năm 2024

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Thanh Thanh

Cán bộ ghi điểm: Nguyễn Thị Ngọc

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lãnh

Nguyễn Thị Lãnh

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần I
Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần: Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ: 3

Nhóm/Lớp: (28 -)/DA23LB

CBGD: Nguyễn Văn Phương (00341)

Hình thức đánh giá: Teach nghiêm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
.....20...../.....3...../.....2024

Phòng thi:.....071.114.....

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQ T	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Ghi chú
1	114123170	Nguyễn Thị Thúy Quyên	05/11/2004	Nữ	8,5	5,0	6,8	020			

Tổng số sv, hs trên danh sách:.....01.....

Tổng số sv, hs dự đánh giá:.....01.....

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo:.....01.....

Tổng số tờ:...../.....

Điểm QT.....50.....%; Điểm KT.....50.....%

Trà Vinh, Ngày 04 tháng 4 năm 2024

Cán bộ coi thi 1: Đ. Nguyễn Thanh Thanh

Cán bộ ghi điểm: Sơn Sơn Ca

Cán bộ coi thi 2:.....

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần: Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ: 3

Nhóm/Lớp: (28 -)/DA23LB

CBGD: Nguyễn Văn Phương (00341)

Hình thức đánh giá Thực nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

20 / 03 / 2024

Phòng thi: D71.113

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Đ.TBQ T	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Ghi chú
1	114123053	Lê Huỳnh Đăng	Khoa	14/02/2005	Nam	✓	✓	✓	006	✓		Vàng
2	114123056	Nguyễn Hoàng	Liêm	06/08/2005	Nam	9,1	3,8	6,5	002	✓		
3	114123057	Tạ Nguyễn Khánh	Linh	20/01/2005	Nữ	8,9	3,8	6,4	003	linh		
4	114123058	Trịnh Thị Trúc	Linh	16/09/2005	Nữ	9,3	4,5	6,9	004	✓		
5	114123060	Dương Trúc	Ly	11/10/2005	Nữ	8,9	3,0	6,0	005	✓		
6	114123062	Huỳnh	Mai	15/11/2005	Nữ	8,7	2,8	5,8	006	mai		
7	114123065	Trần Phương	Nam	15/03/2005	Nam	8,9	✓	✓	✓	✓		Vàng
8	114123066	Dương Thanh	Ngân	25/01/2005	Nữ	8,5	5,0	6,8	020	tho		6,8 ^đ
9	114123067	Hà Thảo	Ngân	10/08/2005	Nữ	8,9	4,3	6,6	008	Ngân		6,6 ^đ
10	114123068	Huỳnh Tuyết	Ngân	28/12/2005	Nữ	9,0	5,3	7,2	009	Ngân		7,2 ^đ
11	114123069	Thạch Hữu	Ngân	16/07/2005	Nam	9,1	2,3	5,7	010	✓		
12	114123072	Trương Thị Cẩm	Ngân	24/01/2005	Nữ	9,0	4,3	6,7	011	✓		
13	114123073	Huỳnh Cao Bảo	Ngọc	05/07/2005	Nữ	9,0	3,0	6,0	012	Ngọc		
14	114123074	Huỳnh Như	Ngọc	03/04/2005	Nữ	9,2	3,3	6,3	013	Ngọc		6,3 ^đ
15	114123075	Phan Nguyễn Bảo	Ngọc	31/03/2005	Nữ	✓	✓	✓	✓	✓		Vàng
16	114123077	Trần Thị Bao	Nghi	18/08/2005	Nữ	9,1	4,3	6,7	015	Bao		
17	114123079	Kim	Nguyên	05/09/2004	Nam	8,5	4,5	6,5	016	✓		
18	114123080	Lâm Bình	Nguyên	09/12/2005	Nam	8,4	3,5	6,0	017	✓		
19	114123081	Lê Thị Cẩm	Nguyên	31/10/2005	Nữ	9,2	4,8	7,0	018	nguyen		
20	114123087	Đoàn Ngọc Yến	Nhi	13/07/2005	Nữ	8,4	4,5	6,5	019	✓		

Tổng số sv. hs trên danh sách: 20.

Tổng số sv. hs dự đánh giá: 17.

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 17.

Tổng số tờ: ✓.

Điểm QT: 50 %, Điểm KT: 50 %.

Trà Vinh, Ngày 04 tháng 4 năm 2024

Cán bộ coi thi 1: Trần Cao Dương phương lan

Cán bộ ghi điểm: Trần Văn Kha

Cán bộ coi thi 2: ✓

Cán bộ kiểm tra: ✓

Nguyễn Thị Linh

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần I
Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

071-205

20/3

Học phần: Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ: 3

Nhóm/Lớp: (28 -)/DA23TCNH

CBGD: Nguyễn Văn Phương (00341)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

20 / 3 / 2024

Phòng thi: C71.205

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh chú
1	114523035	Tạ Uyên Nhi	14/04/2005	Nữ	9,1	4.0	6,6	001	Nhi		
2	114523036	Võ Thị Mỹ Nhi	21/01/2005	Nữ	8,5	3.8	6,2	002	Mỹ		
3	114523037	Nguyễn Huy Nhom	22/09/2005	Nam	8,9	3.5	6,2	003	Nhom		
4	114523038	Nguyễn Thị Trúc Như	05/07/2005	Nữ	8,9	3.0	6,0	004	Trúc		
5	114523040	Trần Thị Mỹ Viên Ngọc Quý	21/04/2005	Nữ	9,2	4.5	6,9	005	Quý		
6	114523041	Mai Thảo Quyền	19/01/2005	Nữ	8,9	3.8	6,4	006	Quyền		
7	114523043	Nguyễn Duy Thái	02/11/2005	Nam	8,9	4.8	6,9	007	Thái		
8	114523046	Trần Mai Thảo	18/10/2005	Nữ	8,8	4.5	6,7	008	Thảo		
9	114523048	Nguyễn Thị Anh Thư	06/02/2005	Nữ	8,9	4.0	6,5	009	Anh		
10	114523049	Nguyễn Thị Yến Thư	05/09/2005	Nữ	8,8	4.5	6,7	010	Thư		
11	114523050	Phan Thị Minh Thư	27/11/2005	Nữ	8,8	4.3	6,6	011	Thư		
12	114523054	Lê Thị Phương Trang	16/11/2005	Nữ	9,3	4.5	6,9	012	Trang		
13	114523055	Phạm Thị Mỹ Trâm	17/02/2005	Nữ	9,1	5.0	7,1	013	Trâm		
14	114523057	Phạm Lê Trân	10/03/2005	Nữ	8,4	4.3	6,4	014	Trân		
15	114523059	Trần Minh Trí	10/02/2005	Nam	8,6				Trí		
16	114523060	Nguyễn Thị Cẩm Tú	26/06/2005	Nữ	9,0	5.8	7,4	016	Tú		
17	114523061	Trương Ngọc Tuyên	06/03/2005	Nữ	8,5	5.5	7,0	017	Tuyên		
18	114523062	Thạch Thị Thanh Vang	14/03/2005	Nữ	8,5	3.3	5,9	018	Vang		
19	114523063	Phan Đình Văn	28/08/2005	Nam	8,8	4.5	6,7	019	Văn		
20	114523065	Nguyễn Phạm Kim Yến	24/11/2005	Nữ	8,7	3.5	6,1	020	Yến		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 19

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 19

Tổng số tờ: 19

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 04 tháng 4 năm 2024

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Thảo Nhân

Cán bộ ghi điểm: Nguyễn Văn Phương

Cán bộ coi thi 2: Nguyễn Thị Linh

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Linh

Nguyễn Thị Linh

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

20/3

C81 204

Học phần: Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tin chỉ: 3

Nhóm/Lớp: (28 -)/DA23TCNH

CBGD: Nguyễn Văn Phương (00341)

Hình thức đánh giá: LT

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

20/3/2024

Phòng thi: C71 204

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh chú
1	114523001	Nguyễn Thị Thúy Ái	18/02/2005	Nữ	8,8	4,3	6,6	001	th		
2	114523002	Lê Quốc An	24/02/2005	Nam	9,1	4,3	6,7	002	an		
3	114523003	Nhan Tuấn An	28/09/2005	Nam	8,7	3,8	6,3	003	an		
4	114523004	Phạm Nguyễn Lan Anh	14/11/2005	Nữ	8,8						lưu
5	114523005	Kim Thị Sa Bích	16/10/2005	Nữ	8,9	3,3	6,1	005	Sa B.		
6	114523006	Nguyễn Thị Kim Chi	28/11/2005	Nữ							lưu
7	114523008	Thạch Thị Ngọc Diễm	05/01/2005	Nữ	8,7	4,3	6,5	007	ng		
8	114523009	Nguyễn Khánh Duy	08/05/2005	Nam	9,3	4,3	6,8	008	duy		
9	114523011	Cao Huỳnh Thủy Dương	06/08/2005	Nữ	8,5	3,0	5,8	009	Duong		
10	114523014	Nguyễn Hữu Đạt	03/02/2005	Nam	8,9	5,8	7,4	010	dat		
11	114523017	Lâm Gia Hân	06/01/2005	Nữ	8,4	2,3	5,4	011	ha		
12	114523020	Nguyễn Thị Kiều Hương	23/02/2005	Nữ	9,2	2,8	6,0	012	thuong		
13	114523021	Nguyễn Dương Anh Khoa	05/09/2005	Nam	8,4	5,3	6,9	013	an		
14	114523022	Nguyễn Nguyên Khôi	31/07/2005	Nam	8,4	4,8	6,6	014	kh		
15	114523023	Lê Phạm Phúc Lộc	08/10/2005	Nam	9,1	6,0	7,6	015	phuc		
16	114523024	Nguyễn Thành Lộc	19/04/2005	Nam	8,9	3,0	6,0	016	thuc		
17	114523027	Huỳnh Thị Diễm My	01/05/2005	Nữ	8,9	3,8	6,4	017	my		
18	114523031	Diệp Phong Nhã	18/06/2005	Nam	8,7	5,5	7,1	018	nh		
19	114523032	Nguyễn Thị Cẩm Nhanh	15/08/2005	Nữ	8,8	5,8	7,3	019	nh		
20	114523034	Trịnh Hồng Bảo Nhân	23/09/2005	Nữ	8,9	6,0	7,5	020	nh		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 18

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 18

Tổng số tờ: hai mươi

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Minh Khôi

Điểm QT: 50 %, Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 04 tháng 4 năm 2024

Cán bộ ghi điểm: Sơn Sơn Ba

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: lưu

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

071-206

20/3

Học phần: Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ: 3

Nhóm/Lớp: (28 -)/DA23TCNH

CBGD: Nguyễn Văn Phương (00341)

Hình thức đánh giá: trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
20/03/2024

Phòng thi: 071-206

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chu
1	114523066	Nguyễn Thùy Băng Châu	14/09/2005	Nữ	8,7	4,0	6,4	001	Cho		
2	114523067	Bùi Minh Đăng	07/08/2005	Nam	8,7	3,0	5,9	002	Bui		
3	114523069	Lý Quốc Khánh	02/09/2003	Nam	—	—	—	—	—		
4	114523071	Nguyễn Hoàng Sang	01/10/2004	Nam	8,7	4,3	6,5	004	Sang		
5	114523074	Lý Thị Mộng Tuyền	10/03/2005	Nữ	8,4	5,3	6,9	005	ly		
6	114523076	Bùi Thị Ngọc Huyền	31/05/2005	Nữ	8,8	5,8	7,3	006	Bui		
7	114523077	Đồng Anh Phú	03/05/2005	Nam	9,1	5,3	7,2	017	Phu		
8	114523078	Hứa Tuyết Trân	27/12/2005	Nữ	8,8	5,3	7,1	007	Hu		
9	114523080	Lê Thị Trúc Ly	11/09/2002	Nữ	9,2	6,5	7,9	008	Ly		
10	114523081	Lý Minh Khánh	08/06/2005	Nam	8,7	4,3	6,5	009	Ly		
11	114523082	Nguyễn Hà Kiều Phong	25/06/2003	Nam	8,5	5,5	7,0	010	phong		
12	114523084	Nguyễn Thị Mỹ Hân	25/02/2005	Nữ	8,8	5,5	7,2	011	myhan		
13	114523085	Phạm Hồ Dĩ	25/08/2005	Nam	9,3	8,5	8,9	012	Pha		
14	114523086	Trang Thị Ngọc Trâm	19/12/2004	Nữ	8,9	5,5	7,2	013	Tran		
15	114523087	Trần Nguyễn Uyên Nhi	03/04/2005	Nữ	8,5	2,3	5,4	014	tranh		
16	114523088	Trần Văn Phát	05/09/2005	Nam	8,8	3,5	6,2	015	Phat		
17	114523090	Võ Thị Thủy Tiên	27/03/2005	Nữ	9,2	4,3	6,8	016	Vu		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 17

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 16

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 16

Tổng số tờ: 16

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Anh Phi

Điểm QT: 50 %, Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 04 tháng 4 năm 2024

Cán bộ ghi điểm: Sơn Sơn Ba

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Linh

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần: Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ: 3

Nhóm/Lớp: (28 -)/DA23QLTN

CBGD: Nguyễn Văn Phương (00341)

Hình thức đánh giá *Thực nghiệm*

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
20/09/2024

Phòng thi: D71.114

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQ T	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Ghi chú
1	116723002	Nguyễn Tấn Lộc	20/09/2005	Nam	8,5	3,0	5,8	002	<i>[Signature]</i>		
2	116723003	Trần Thị Huỳnh Như	01/12/2005	Nữ	8,8	3,0	5,9	003	<i>[Signature]</i>		
3	119123003	Đoàn Trung Hậu	08/03/2005	Nam	8,4	3,5	6,0	004	<i>[Signature]</i>		
4	119123004	Trần Văn Lộc	09/10/2005	Nam	8,8	3,8	6,3	005	<i>[Signature]</i>		
5	119123005	Nguyễn Thị Huỳnh Như	05/06/2005	Nữ							
6	119123008	Trần Thành Ý	25/04/2005	Nam	8,4	2,0	5,2	007	<i>[Signature]</i>		
7	119123009	Nguyễn Hoàng Phúc	31/05/2005	Nam	8,7	3,3	6,0	012	<i>[Signature]</i>		
8	119123010	Phạm Thái Ngọc Vi	11/02/2005	Nữ	8,4	4,8	6,6	013	<i>[Signature]</i>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 08

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 07

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 07

Tổng số tờ: /

Cán bộ coi thi 1: *[Signature]* Nguyễn Thanh Thanh

Cán bộ coi thi 2: /

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 04 tháng 4 năm 2024

Cán bộ ghi điểm: *[Signature]*
Sơn Sơn La

Cán bộ kiểm tra: *[Signature]*
Nguyễn Thị Lành

Thank

D71 114

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
20 / 3 / 2024

Phòng thi:.....07114.....

D. F. 114.

Tổng số sv, hs trên danh sách: 01

Điểm QT: 50 %, Điểm KF: 50 %

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: ... 01

Tổng số tờ:.....

Trà Vinh, Ngày 04 tháng 4 năm 2024

Cán bộ coi thi: Đ. Nguyễn Thanh Thanh

Cán bộ ghi điểm:..... *Pon Pon La*

Cán bộ coi thi 2:.....

Cán bộ kiểm tra:.....

Nguyễn Thị Lành

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH
HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ ĐỒ CHỖ NGỒI TRONG PHÒNG THI

(Dùng trong đánh giá kết thúc học phần)

Học phần: Triết học Mac - Lênin

Nhóm/Lớp (ghi mã): 28.10.A234.QLC

Sĩ số: 19.....

027

027

Ngày đánh giá: 20.1.3.../2024

Thời gian làm bài: 60 phút

Phòng thi: Đ21.11.2.....

006

014

018

003

013

017

025

024

002

011

016

021

020

001

010

015

019

CBCT 1: Phan Đình Kim Hải.....

CBCT 2:
.....

BÀN GIÁO VIÊN

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH
HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ ĐỒ CHỖ NGỒI TRONG PHÒNG THI

(Dùng trong đánh giá kết thúc học phần)

Học phần: Tiết học Mac-Lenin.....
Nhóm/Lớp (ghi mã): DA23LB.....
Sĩ số: 20.....

Ngày đánh giá: 20/13 /2024
Thời gian làm bài: 60 phút
Phòng thi:771.113.....

114123087	114123075	114123068	114123060
114123081	114123074	114123067	114123058
114123080	114123073	114123066	114123057
114123079	114123072	114123065	114123056
114123077	114123069	114123062	114123053

CBCT 1: Paul Cao Dương Phương Lan.....
CBCT 2:
.....

BÀN GIÁO VIÊN

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH
HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ ĐỒ CHỖ NGỒI TRONG PHÒNG THI

(Dùng trong đánh giá kết thúc học phần)

Học phần: Triết học M-LN
Nhóm/Lớp (ghi mã): 28 / PA23LB
Số số: 21

Ngày đánh giá: 20 / 3 / 2024
Thời gian làm bài: 60 phút
Phòng thi: DT1.114

114123114x

114123096

114123167

114123168

114123098

114123104

114123165

114123097

114123095

114123166

114123100

114123170

114123093

114123101

114123164

114123102

⇒ 114123091

114123099

114123118

114123088

CBCT 1: Đ.T. Nguyễn Thanh Thanh

CBCT 2:

BÀN GIÁO VIÊN

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH
HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ ĐỒ CHỖ NGỒI TRONG PHÒNG THI

(Dùng trong đánh giá kết thúc học phần)

Học phần: Triết học Mác - Lênin

Nhóm/Lớp (ghi mã): ĐA 23 TC.NH

Sĩ số: 17

Ngày đánh giá: 20/03/2024

Thời gian làm bài: 60 phút

Phòng thi: C7.1.206

066 071 080 085

067 074 081 086

069 076 082 087

077 084 088

078 090

CBCT 1: Alan Nguyễn Anh Phi

CBCT 2:

BÀN GIÁO VIÊN

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH
HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ ĐỒ CHỖ NGỒI TRONG PHÒNG THI

(Dùng trong đánh giá kết thúc học phần)

Học phần: Triết... học... Mac'... Lenin....
Nhóm/Lớp (ghi mã): ĐAL3.TC.T.H.
Sĩ số: 20... H. 18

Ngày đánh giá: 20/3.../2024
Thời gian làm bài: 60 phút
Phòng thi: C71.204

		022	023
		021	024
004	005	020	027
003	006	017	031
002	008	014	032
⇒ 001	009	011	034

CBCT 1: Nguyễn Đức Phan
CBCT 2:

BÀN GIÁO VIÊN

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH
HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ ĐỒ CHỖ NGỒI TRONG PHÒNG THI

(Dùng trong đánh giá kết thúc học phần)

Học phần: ...Triết học Mác - Lênin
Nhóm/Lớp (ghi mã): ...ĐA23.TC.NH..
Sĩ số: ...19.....

Ngày đánh giá: 20/3.../2024
Thời gian làm bài: 60..phút
Phòng thi: ...C71.205.....

038	040	060	
	041	057	067
037	043	055	062
	046	054	
036			063
	048	050	
035		049	065

CBCT 1: Nguyễn Thị Nhàn
CBCT 2:

BÀN GIÁO VIÊN

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH
HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ ĐỒ CHỖ NGỒI TRONG PHÒNG THI

(Dùng trong đánh giá kết thúc học phần)

Học phần: Tiết... học... Mac'... l... m...
Nhóm/Lớp (ghi mã): 28 / D.A19.CNDA,
Sĩ số: 15.....

Ngày đánh giá: 20 / 3 / 2024
Thời gian làm bài: 60 phút
Phòng thi: 071 114.....

116723003

119123040

114123158

114123160

119123004

114123161

116723002

114123159

118019008

119123010

119123008

⇒ 114123162

119123003

119123009

114123171

CBCT 1: Đ. Nguyễn Thanh Thanh.....

CBCT 2:
.....

BÀN GIÁO VIÊN

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH
HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ ĐỒ CHỖ NGỒI TRONG PHÒNG THI

(Dùng trong đánh giá kết thúc học phần)

Học phần: Triết học Mác-Lênin
Nhóm/Lớp (ghi mã): DA13HQLC
Sĩ số: 17

Ngày đánh giá: 20 / 3 / 2024
Thời gian làm bài: 60 phút
Phòng thi: ĐH.113

			046
036	037	045	048
035	038	044	048
033	039	043	049
032	040	041	050

CBCT 1: Trần Thị Kim Nga
CBCT 2:

BÀN GIÁO VIÊN

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH
HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ ĐỒ CHỖ NGỒI TRONG PHÒNG THI

(Dùng trong đánh giá kết thúc học phần)

Học phần: Triết học Mac Lenin.....
Nhóm/Lớp (ghi mã): DA23LA.....
Sĩ số: 19.....

Ngày đánh giá: 20/1/2024
Thời gian làm bài: 60 phút
Phòng thi: Đ1.MC.....

	008	004	009
010	015	033	017
006	018	031	032
005	019	028	007
001	023	011	034

CBCT 1: Trần Thị Anh Duyên.....

CBCT 2:

BÀN GIÁO VIÊN

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH
HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ ĐỒ CHỖ NGỒI TRONG PHÒNG THI

(Dùng trong đánh giá kết thúc học phần)

Học phần: Biết học Mác Lênin.....

Nhóm/Lớp (ghi mã): D23LA.....

Sĩ số: 20.....

Ngày đánh giá: 20 / 03 /2024

Thời gian làm bài: 60 phút

Phòng thi:D21.111.....

114123157

114123028

114123047

114123041

114123156

114123051

114123046

114123039

114123154

114123054

114123045

114123038

114123126

114123050

114123044

114123037

114123694

114123049

114123042

114123036

CBCT 1: Trần Cao Dương Phương Lan.....

CBCT 2:
.....

BÀN GIÁO VIÊN